

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 39/2004/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2004

THÔNG TƯ

Hướng dẫn trình tự, thủ tục và xử lý tài chính đối với hoạt động mua, bán, bàn giao, tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp

Căn cứ Nghị định số 69/2002/NĐ-CP ngày 12/7/2002 của Chính phủ về quản lý và xử lý nợ tồn đọng của doanh nghiệp nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 109/2003/QĐ-TTg ngày 5/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp.

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ về qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn trình tự, thủ tục và xử lý tài chính đối với hoạt động mua, bán, bàn giao, tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp như sau:

Phần thứ nhất:

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi áp dụng:

Thông tư này hướng dẫn trình tự, thủ tục và xử lý tài chính đối với các hoạt động: mua, bán, xử lý nợ và tài sản tồn đọng của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân với Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp theo nguyên tắc thỏa thuận; mua, bán, xử lý nợ và tài sản tồn đọng theo chỉ định của Thủ tướng Chính phủ; bàn giao, tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản đã loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng:

2.1. Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp thành lập theo Quyết định số 109/2003/QĐ-TTg ngày 5/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây

gọi tắt là Công ty mua, bán nợ);

2.2. Các doanh nghiệp, tổ chức có nợ phải thu, tài sản tồn đọng bán cho Công ty mua, bán nợ (chủ nợ, chủ tài sản);

2.3. Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mua nợ và tài sản tồn đọng của Công ty mua, bán nợ ;

2.4. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nợ phải trả (khách nợ);

2.5. Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đang giữ hộ nợ, tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước.

3. Các thuật ngữ sử dụng trong Thông tư này được hiểu như sau:

3.1. "Nợ tồn đọng" là các khoản nợ phải thu, nợ phải trả đã quá hạn thanh toán nhưng chưa thu được, chưa trả được.

3.2. "Chủ nợ" là các doanh nghiệp, tổ chức có nợ phải thu.

3.3. "Khách nợ" là các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nợ phải trả.

3.4. "Chủ tài sản" là các doanh nghiệp, tổ chức có quyền sở hữu tài sản.

3.5. "Tài sản tồn đọng" là thành phẩm, vật tư, hàng hoá, tài sản cố định thuộc sở hữu của doanh nghiệp còn tồn kho, ứ đọng nhưng doanh nghiệp không có nhu cầu sử dụng.

3.6. "Mua, bán nợ, tài sản tồn đọng" là việc chủ nợ có nợ phải thu, chủ tài sản có tài sản tồn đọng bán cho Công ty mua, bán nợ. Công ty mua, bán nợ trở thành chủ nợ mới của khách nợ, chủ sở hữu mới của tài sản.

3.7. "Mua, bán nợ, tài sản tồn đọng theo chỉ định" là việc mua, bán nợ, tài sản tồn đọng theo chỉ định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Công ty mua, bán nợ được quyền mua, bán, xử lý các khoản nợ, tài sản tồn đọng bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất theo giá thoả thuận và theo chỉ định; có quyền bán các tài sản cầm cố, thế chấp cho các khoản nợ Công ty mua, bán nợ đã mua bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất theo qui định hiện hành.

5. Các doanh nghiệp và tổ chức thuộc mọi thành phần kinh tế được quyền mua, bán các khoản nợ và tài sản tồn đọng theo giá thoả thuận cho Công ty mua bán nợ.

6. Khi Hợp đồng mua, bán nợ, tài sản tồn đọng có hiệu lực, các bên có quyền và nghĩa vụ như sau:

- Toàn bộ quyền và nghĩa vụ của chủ nợ (bên bán nợ), chủ tài sản (bên bán tài sản) được chuyển giao cho Công ty mua, bán nợ.

- Chủ nợ, chủ tài sản có trách nhiệm chuyển giao đầy đủ nợ, tài sản kèm theo hồ sơ, tài liệu có liên quan theo đúng qui định của hợp đồng và các qui định pháp luật hiện hành. Đồng thời có trách nhiệm thông báo cho khách nợ biết việc chuyển đổi chủ nợ đối với khoản nợ đã bán.

- Công ty mua, bán nợ được kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của chủ nợ đối với khoản nợ đã mua, có các quyền và nghĩa vụ của chủ tài sản đối với tài sản đã mua.

- Khách nợ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ và các nghĩa vụ khác đối với Công ty mua, bán nợ (như: cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến khoản nợ).

7. Đối với các khoản nợ và tài sản tồn đọng đã mua hoặc nợ, tài sản tồn đọng được Nhà nước giao xử lý, Công ty mua, bán nợ được phép xử lý theo các hình thức sau: thu nợ, bán tài sản đảm bảo; cho thuê tài sản tồn đọng; sử dụng nợ, tài sản tồn đọng để góp vốn cổ phần, góp vốn liên doanh, hợp tác kinh doanh; bán nợ, tài sản tồn đọng; sửa chữa, nâng cấp tài sản tồn đọng để bán, cho thuê, góp vốn cổ phần, góp vốn liên doanh, hợp tác kinh doanh; hoặc các hình thức khác mà pháp luật không cấm. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền xử lý nợ và tài sản tồn đọng của Công ty mua, bán nợ được Bộ trưởng Bộ Tài chính qui định cụ thể trong Quy chế quản lý tài chính của Công ty mua, bán nợ.

8. Hoạt động mua, bán nợ và tài sản tồn đọng phải lập chứng từ theo qui định hiện hành.

9. Bên mua nợ có trách nhiệm theo dõi, hạch toán chi phí mua nợ và tài sản tồn đọng theo giá (bao gồm giá mua nợ, giá mua tài sản tồn đọng ghi trên chứng từ, chi phí vận chuyển tài sản, chi phí sửa chữa, nâng cấp tài sản - nếu có) và theo dõi giá trị nợ gốc của khoản nợ trên tài khoản ngoại bảng.

10. Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khi mua các khoản nợ và tài sản tồn đọng của Công ty mua, bán nợ thực hiện theo giá cả thị trường bằng các hình thức thoả thuận, đấu giá, đấu thầu theo qui định hiện hành. Trình tự, thủ tục và xử lý tài chính được áp dụng như đối với hoạt động bán nợ và tài sản tồn đọng của Công ty mua, bán nợ.

11. Hoạt động mua, bán, thu hồi, xử lý nợ tồn đọng bao gồm cả bán tài sản cầm cố, thế chấp để thu hồi nợ qui định tại Thông tư này không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

Phần thứ hai

QUI ĐỊNH CỤ THỂ

I. ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG MUA, BÁN NỢ VÀ TÀI SẢN TỒN DỌNG THEO THOẢ THUẬN

1. Trình tự, thủ tục thực hiện mua, bán nợ và tài sản tồn đọng

1.1. Công ty mua, bán nợ, các chủ nợ có nợ tồn đọng chủ động tiếp cận để tìm hiểu nhu cầu mua, bán nợ. Khi có nhu cầu bán nợ, chủ nợ cung cấp cho Công ty mua, bán nợ tài liệu liên quan đến khoản nợ.

1.2. Việc mua, bán nợ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng ký kết giữa hai bên.

1.3. Việc mua, bán nợ và tài sản tồn đọng theo giá cả thị trường bằng các phương thức thoả thuận, đấu thầu, đấu giá theo qui định hiện hành.

2. Xử lý tài chính đối với hoạt động mua, bán, xử lý nợ

2.1. Đối với Công ty mua, bán nợ:

Khoản nợ đã mua được coi như một loại hàng hoá đặc biệt. Doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh liên quan đến hoạt động mua, bán nợ được quy định trong Quy chế tài chính của Công ty mua bán nợ.

2.2. Đối với bên bán nợ

a. Trường hợp khoản nợ bán là khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi mà chủ nợ đã xử lý theo qui định của Nhà nước và đang theo dõi tại tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán thì số tiền thu hồi được từ việc bán khoản nợ này được tính vào thu nhập khác của bên bán.

b. Trường hợp khoản nợ bán là khoản nợ đang theo dõi trong bảng Cân đối kế toán (nội bảng) thì số tiền bán khoản nợ không tính vào doanh thu hoặc thu nhập khác của bên bán nợ mà ghi giảm khoản phải thu tương ứng. Chênh lệch giữa số tiền thu được khi bán nợ với giá trị khoản nợ ghi trên sổ kế toán được bù đắp bằng các nguồn theo thứ tự sau đây:

- Dự phòng khoản phải thu khó đòi hoặc dự phòng rủi ro (đối với tổ chức tín dụng).
- Nếu nguồn dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc dự phòng rủi ro không đủ bù đắp, thì phần còn thiếu được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh.
- + Đối với doanh nghiệp nhà nước: Trường hợp hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong 02 (hai) năm liên tiếp mà doanh nghiệp bị lỗ không có khả năng bù đắp và doanh nghiệp không thuộc trường hợp phải giải thể, phá sản thì doanh nghiệp lập hồ sơ báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định giảm vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo qui định hiện hành.
- + Đối với doanh nghiệp nhà nước đang thực hiện chuyển đổi sở hữu: Trường hợp tính vào chi phí kinh doanh bị lỗ thì được trừ vào phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trước khi chuyển đổi tương ứng với phần lỗ.

2.3. Đối với khách nợ

Sau khi thực hiện xong việc thanh toán nợ, trường hợp số tiền thực trả được Công ty mua bán nợ chấp nhận thấp hơn giá trị khoản nợ hạch toán trên sổ kế toán thì khoản chênh lệch được hạch toán vào thu nhập khác.

Trường hợp giá trị thực tế khoản nợ góp vốn cổ phần, góp vốn liên doanh, hợp tác kinh doanh được Công ty mua, bán nợ chấp nhận thấp hơn giá trị khoản nợ theo sổ sách kế toán thì khoản chênh lệch được hạch toán vào thu nhập khác.

3. Xử lý tài chính đối với hoạt động mua, bán tài sản tồn đọng

3.1. Đối với Công ty mua, bán nợ:

Tài sản đã mua được coi là hàng hoá. Doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh liên quan đến hoạt động mua, bán tài sản được thực hiện theo qui định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty mua, bán nợ.

3.2. Đối với bên bán tài sản là doanh nghiệp: